

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 01 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Định

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Phương D, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2020, nguyên đơn chị Trần Phương D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Phương D và anh Nguyễn Văn L tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cãi vã, được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành, hôn nhân của chị và anh L chỉ kéo dài được 05 năm. Chị D xác định không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh L có 02 người con tên Nguyễn Như Ng sinh ngày 26/5/2014 và Nguyễn Ngọc Nh sinh ngày 22/3/2019, hiện các cháu do chị D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Như Ng và Ngọc Nh; yêu cầu anh L cấp dưỡng cho các con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn L, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Phương D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị D với anh L tự nguyện chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Phương D với anh Nguyễn Văn L được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị D với anh L thường xuyên cãi vã được gia đình hai bên có hàn gắn nhưng anh chị vẫn không chung sống với nhau được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh L; đối với anh Nguyễn Văn L, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị D nhưng anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, điều này cho thấy anh L đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị D với anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị D cho chị D được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh L có 02 người con tên Nguyễn Như Ng sinh ngày 26/5/2014 và Nguyễn Ngọc Nh sinh ngày 22/3/2019. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu Như Ng và Ngọc Nh và yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con theo quy định của pháp luật; đối với anh L không có ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện các cháu Như Ng và Ngọc Nh đang do chị D nuôi dưỡng, khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Như Ng và Ngọc Nh. Do đó, căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao hai cháu Như Ng và Ngọc Nh cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Xét yêu cầu

cấp dưỡng cho con của chị D, thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do vậy buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai cháu Như Ng và Ngọc Nh, mỗi cháu mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi các cháu Như Ng và Ngọc Nh đều tròn 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh L không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Phương D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phương D. Cho chị Trần Phương D được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Như Ng sinh ngày 26/5/2014 và Nguyễn Ngọc Nh sinh ngày 22/3/2019 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu Nguyễn Như Ng và Nguyễn Ngọc Nh, mỗi cháu mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/01/2021) cho đến khi các cháu Như Ng và Ngọc Nh đều tròn 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như anh L chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

+ Chị Trần Phương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai số 0011434 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); anh L chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng